

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày 19-4-2021
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trang Thái Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Phúc;
2. Ông Lê Văn Rễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trang Hoàng Mỹ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020, về việc: “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994. Có mặt

Địa chỉ: Ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tuấn E, sinh năm 1987. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp Thuận T, xã Lợi T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2020 và biên bản lấy lời khai ngày 08 tháng 01 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Nguyễn Tuấn E tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 60 ngày 12 tháng 8 năm 2013. Sau khi kết hôn, chị L sống chung với gia đình anh Tuấn E được một thời gian thì sau đó được cho ra ở riêng tại dãy nhà trọ của gia đình anh Tuấn E. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh Tuấn E ham mê cờ bạc, không quan tâm đến gia đình nên chị L làm đơn yêu cầu ly hôn. Nhưng vì thương con và muốn tạo cho anh Tuấn E cơ hội sửa chữa sai lầm nên chị L rút đơn về đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Tuấn E chỉ thay đổi được một thời gian ngắn thì tiếp tục đánh bạc, để tài sản gia đình cầm cố, yêu cầu chị L đưa tiền đánh bạc, chị L không đưa thì bị anh Tuấn E đánh đập, dùng dao đe dọa nên ly thân từ tháng 5/2020 cho đến nay. Xét thấy rằng tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải hàn gắn và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Tuấn E.

Về con chung: Chị L và anh Tuấn E chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 17/7/2014 và Nguyễn Mạnh T, sinh ngày 05/11/2016, hiện nay do chị L đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi hai người con chung và không yêu cầu anh Tuấn E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Tuấn E: Đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đã được Tòa án cấp, tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành và chưa thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không phát hiện vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56; 58, 81; 82 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu chi Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Tuấn E.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chi L phải chịu án phí theo quy định pháp luật; anh Tuấn E không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu giải quyết hôn nhân, nuôi con chung giữa chị L và anh Nguyễn Tuấn E, anh Tuấn E có nơi cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu theo qui định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết, anh Tuấn E đã được cấp, tổng đạt văn bản hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Tuấn E là đúng qui định.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Tuấn E tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 60 ngày 12 tháng 8 năm 2013. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Tuấn E là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét về quá trình chung sống thì thấy rằng: Chị L và anh Tuấn E chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn về kinh tế gia đình do anh Tuấn E không chăm lo làm ăn, ngược lại còn đẽ tài sản chung của vợ chồng cầm cố đánh bạc, gây gỗ và có hành vi bạo lực gia đình. Vợ chồng ly thân từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo và triệu tập anh Tuấn E đến hòa giải, hàn gắn nhiều lần nhưng anh Tuấn E vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh Tuấn E không có thiện chí hòa giải hàn gắn và thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Tuấn E đã lâm vào

tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu ly hôn với anh Tuấn E là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị L và anh Tuấn E có hai người con tên Nguyễn Mạnh Tường, sinh ngày 17/7/2014 và Nguyễn Mạnh Tiến, sinh ngày 05/11/2016, hiện do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ ngày ly thân, chị L là người trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị L có thu nhập ổn định từ công việc bán cà phê tại gia đình, có thời gian gần gũi chăm sóc con chung và nơi ở cố định. Đối với anh Tuấn E, quá trình xác minh thể hiện, anh Tuấn E hiện không có việc làm, không có thu nhập và không có nơi ở cố định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Tường, cháu Tiến nên cần tiếp tục giao cháu Tường, cháu Tiến cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu, nên Tòa án không giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xét.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định. Anh Tuấn E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L đối với anh Nguyễn Tuấn E. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tuấn E.

2. Về con chung: Giao hai người con chung tên Nguyễn Mạnh Tường, sinh ngày 17/7/2014 và Nguyễn Mạnh Tiến, sinh ngày 05/11/2016 cho chị Nguyễn Thị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị L không yêu cầu anh Tuấn E cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Tuấn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, chị Nguyễn Thị L và thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tuấn E thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu, nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị L trình bày không có, nên Tòa án không đặt ra xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, cho khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số: 0014440 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Tuấn E không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Tuấn E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Lợi Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Trang Thái Châu